

PHÂN TÍCH THUẬN LỢI VỀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG TẠI VÙNG ĐỒNG THÁP MƯỜI

Phùng Ngọc Trường^{1*}, Nguyễn Hùng Cường², Ngô Huy Kiên², Hoàng Công Mạnh²

TÓM TẮT

Khu vực Đồng Tháp Mười (ĐTM) là vùng trồng lúa chủ lực, chiếm tỷ trọng cao trong sản xuất nông nghiệp nhưng đã có sự chuyển đổi mạnh các vùng trồng lúa hoặc cây trồng hiệu quả thấp sang các cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Các chính sách quy hoạch, liên kết vùng đã giúp khu vực ĐTM hình thành các vùng sản xuất hàng hóa nông sản tập trung theo lợi thế của từng vùng sinh thái, phù hợp xu thế phát triển thị trường, nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh trong chuỗi giá trị sản phẩm. Nhiều chính sách hỗ trợ về vốn cũng như kiến thức phát triển nông nghiệp đã được thực hiện. Đây cũng là một trong những khu vực có rất nhiều lợi thế về cơ chế, chính sách trong việc phát triển kinh tế nông nghiệp thông qua các chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch, đề án đã triển khai. Trên cơ sở phân tích thực trạng, bối cảnh các cơ quan quản lý vùng ĐTM cần hoàn thiện, bổ sung, triển khai các giải pháp để phát triển nông nghiệp bền vững hơn, gồm: 1) Quản lý, sử dụng đất và chuyển đổi đất trồng lúa hiệu quả; 2) Hoàn thiện thể chế, cơ chế liên kết tiểu vùng và các quy hoạch, chính sách phát triển nông nghiệp; 3) Tăng cường hỗ trợ tài chính, phát triển nguồn nhân lực.

Từ khóa: Chính sách, nông nghiệp, Đồng Tháp Mười.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nông nghiệp là lợi thế, nền tảng bền vững của quốc gia [1]. Nông nghiệp nước ta tiếp tục phát triển cả về quy mô và trình độ sản xuất, duy trì tăng trưởng ở mức khá cao, khẳng định vị thế quan trọng, là trụ đỡ của nền kinh tế, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia. Sản xuất kinh doanh nông nghiệp phát triển mạnh theo hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ứng dụng khoa học - công nghệ, nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng, phát huy lợi thế vùng, miền, địa phương, thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH) [2]. Xu hướng chung trên thế giới, các chủ trương, các biện pháp nhằm phát triển nông nghiệp bền vững cần hướng đến ba mục tiêu chính: (i) Phát triển bền vững về kinh tế; (ii) Phát triển bền vững về xã hội; (iii) Phát triển bền vững về tài nguyên và môi trường [3]...

Hiện nay, Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 [1] cũng như Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 [4] đang dần đi vào thực tiễn tại các địa phương trong cả nước. Một trong các giải pháp đột phá cho ngành nông nghiệp đó là xây dựng, hoàn thiện và triển khai một số cơ chế, chính sách về đất đai, tài chính, tín dụng, thuế, đầu tư và phát triển nguồn nhân lực.

Vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là một trong những vùng chịu tác động trực tiếp từ những chính sách nông nghiệp. Theo đó, rất nhiều chính sách được ban hành riêng cho khu vực này, như Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 [5]; Chương trình tổng thể phát triển nông nghiệp,

¹ Trung tâm Nghiên cứu và Quy hoạch môi trường

² Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp

* Email: ngoctruongpre@gmail.com

thích ứng với BĐKH vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 [6]; quy hoạch vùng ĐBSCL thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 [7]... Trong đó, ĐTM là vùng có diện tích khoảng 730.000 ha, chiếm khoảng 18% diện tích tự nhiên của ĐBSCL, bao gồm 22 huyện, thị, thành phố thuộc 3 tỉnh là Đồng Tháp, Long An và Tiền Giang, có cùng điều kiện sinh thái và kinh tế - xã hội. Nơi đây còn sản xuất nhiều loại nông sản đặc trưng khác như trái cây, rau màu và thủy sản nước ngọt có lợi thế so sánh. Trong đó, trồng trọt là một trong những lĩnh vực chiếm tỉ trọng lớn nhất về diện tích và giá trị sản xuất. Tỉ trọng của ngành trồng trọt chiếm khoảng 60% đối với tỉnh Đồng Tháp và Tiền Giang, 68% đối với tiểu vùng ĐTM và Long An; so với 48% ở vùng ĐBSCL trong tổng giá trị sản xuất ngành nông - lâm - thủy sản và dịch vụ nông nghiệp [8].

Như vậy, khu vực ĐBSCL nói chung và khu vực ĐTM nói riêng sẽ có nhiều tiềm năng, lợi thế cạnh tranh về phát triển nông nghiệp và cũng là nơi chịu tác động trực tiếp từ các chính sách, hoạch định trên. Vì vậy, việc phân tích, rà soát các chính sách, hoạch định phát triển nông nghiệp để đề xuất các giải pháp phù hợp hơn cho nông nghiệp tại vùng ĐTM là cần thiết.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này tập trung phân tích đánh giá thực trạng hệ thống chính sách về sử dụng đất và chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa. Quy hoạch, đầu tư, phát triển sản xuất và hỗ trợ tài chính, phát triển nguồn nhân lực tác động tới vùng ĐTM, từ đó đề xuất các giải pháp để điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện chính sách nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững trong thời gian tới. Qua đó, nghiên cứu sử dụng phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu thứ cấp. Thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá, kế thừa có chọn lọc những cơ chế, chính sách, hoạch định từ Trung ương đến địa phương gắn với nông nghiệp khu vực ĐTM, cùng các bài viết có liên quan. Thông tin và số liệu các chính sách để đánh giá từ nhiều nguồn gồm: Website Chính phủ; Cổng thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và PTNT; cơ sở dữ liệu các văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam; các sở ban ngành và đặc biệt là Sở Nông nghiệp và PTNT 3

tỉnh Đồng Tháp, Long An, Tiền Giang...

Tài liệu, số liệu thứ cấp thu thập bao gồm: Các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án... được phân tích trên cơ sở áp dụng phương pháp phân tích định tính [9], gồm rút gọn số liệu (Data reduction); trình bày số liệu (Data display); đưa ra kết luận (Conclusion drawing). Các công cụ phân tích, như bảng liệt kê tổng hợp, phân tích khoảng trống (quá trình phân tích các nội dung, quy định còn thiếu trong các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan) được sử dụng để phân tích và làm rõ thông tin về các quy định và chính sách liên quan đến nông nghiệp.

Quá trình thực hiện, nghiên cứu ưu tiên phân tích các chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch chính trong lĩnh vực trồng trọt là một trong những lĩnh vực đóng góp kinh tế lớn nhất của hoạt động sản xuất nông nghiệp. Bao gồm 4 bước: i) Xác định chủ đề, tài liệu liên quan cần thu thập; ii) Thu thập tài liệu; iii) Đọc và phân tích tài liệu; iv) Tổng hợp, viết báo cáo.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Chính sách phát triển nông nghiệp vùng ĐTM

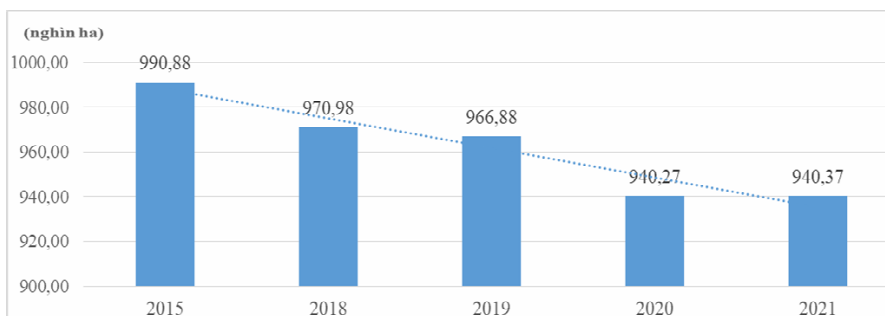
3.1.1. Sử dụng đất và chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa

Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp tại vùng ĐTM là 550.523 ha (năm 2021), chiếm 93,85% diện tích đất nông nghiệp và 75,44% trên tổng diện tích đất tự nhiên vùng ĐTM. Trong đó, đất trồng lúa có tổng diện tích 394.184 ha, chiếm 71,60%; đất trồng cây hàng năm khác có tổng diện tích 29.776 ha năm 2021, chiếm 5,41%. Đất trồng cây lâu năm có tổng diện tích đất là 126.562 ha năm 2021, chiếm 22,99% [10, 11, 12]. Điều này cho thấy vai trò của đất sản xuất nông nghiệp tại vùng ĐTM là rất lớn.

Đối với sản xuất lúa, mặc dù năng suất lúa tăng nhưng do diện tích canh tác giảm mạnh nên sản lượng lúa cũng giảm mạnh. Kết thúc năm 2021, khu vực nghiên cứu có diện tích lúa cả năm là 940,37 nghìn ha, chiếm 82% so với diện tích canh tác lúa cả năm của 3 tỉnh. Năng suất trung bình đạt 62,29 tạ/ha và sản lượng đạt 5.869,943 nghìn tấn [10, 11, 12]. Tuy nhiên, khu vực ĐTM cùng với

vùng Tứ giác Long Xuyên vẫn là hai tiểu vùng chủ lực sản xuất ngành hàng lúa gạo, phục vụ mục tiêu chung của Đề án tái cơ cấu lúa gạo [13] và hướng đến xuất khẩu gạo khoảng 4 triệu tấn/năm nhưng giá trị xuất khẩu giữ ổn định từ 2,3 - 2,5 tỉ

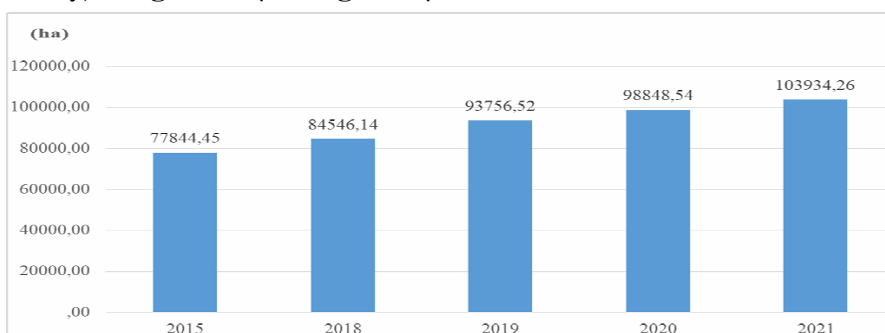
USD/năm trong giai đoạn 2021 - 2030 [14]. Do đó, tiểu vùng ĐTM vẫn cần xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển lúa gạo theo hướng nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh tế.



Hình 1. Biến động diện tích lúa cả năm tại khu vực nghiên cứu

Trong khi đó, diện tích cây ăn trái lại tăng mạnh (+26.089,81 ha) trong giai đoạn 2015 - 2021. Điều này cho thấy, trong khu vực đang có sự

chuyển đổi cơ cấu lớn cây trồng từ canh tác lúa kém hiệu quả sang canh tác cây ăn trái và diện tích canh tác cây ăn trái đã đạt 103.934,26 ha [10, 11, 12].



Hình 2. Biến động diện tích cây ăn trái tại khu vực nghiên cứu

Một trong những thuận lợi đó là ngày 6/01/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai [15]; theo đó, đã bổ sung nhiều quy định mới cho phép chuyển đổi đất trồng lúa sang trồng cây lâu năm. Đây được xem là một bước đột phá về mặt hành lang pháp lý thuận lợi chuyển đổi đất lúa sang trồng cây lâu năm. Qua đó, các tỉnh khu vực ĐTM đã xây dựng kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa giai đoạn 2021 - 2025. Trong đó:

- Tại tỉnh Long An, diện tích sẽ chuyển đổi là 54.442 ha với cây hàng năm 42.033 ha, cây lâu năm 12.100 ha, trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản 309 ha.

- Tại tỉnh Đồng Tháp, diện tích dự kiến chuyển đổi là 27.274 ha với diện tích trồng cây hàng năm 14.712 ha, trồng cây lâu năm 10.051 ha và trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản 2.511 ha.

- Tại tỉnh Tiền Giang có 41.616 ha đất lúa được chuyển đổi. Cụ thể: Cây hàng năm: 29.940 ha; cây lâu năm: 10.804 ha; trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản: 872 ha.

Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa không những mang lại hiệu quả kinh tế, mà còn giải quyết được việc làm, tăng thu nhập cho người dân trên đơn vị diện tích. Cụ thể, chuyển đổi sang trồng cây ăn quả như chanh, thanh long cho hiệu quả cao hơn so với trồng lúa (thanh long cho lợi nhuận từ 100 - 300 triệu đồng/ha/năm; chanh lợi nhuận từ 70 - 150 triệu đồng/ha/năm; khóm lợi

nhuận từ 70 - 200 triệu đồng/năm;...). Hơn thế, quá trình chuyển đổi còn hạn chế được tình trạng hoang hóa đất nông nghiệp do thiếu nước bỏ vụ kéo dài và luân canh chuyển đổi cây trồng giúp cải tạo đất và hạn chế sâu, bệnh mang lại hiệu quả

trên đơn vị diện tích.

Một lợi thế nữa để vùng ĐTM đẩy mạnh công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng đó là khu vực có 10/14 cây ăn quả chủ lực sẽ được tập trung đẩy mạnh phát triển [16].

Bảng 1. Tổng hợp các cây trồng chủ lực khu vực ĐTM

STT	Loại cây chủ lực	Khu vực nghiên cứu		
		Tỉnh Long An	Tỉnh Đồng Tháp	Tỉnh Tiền Giang
1	Cây thanh long	x		x
2	Cây xoài		x	x
3	Cây chuối			x
4	Cây nhãn		x	x
5	Cây cam		x	x
6	Cây bưởi			x
7	Cây dứa			x
8	Cây sầu riêng			x
9	Cây mít	x	x	x
10	Cây na			x
Tổng cộng		2	4	10

Nguồn: Quyết định số 4085/QĐ-BNN-TT ngày 27/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT [16]

Tuy nhiên, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng cũng phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết, giá cả, thị trường và mùa vụ nên diện tích hàng năm không ổn định. Ngoài ra, một số vùng chuyển đổi tự phát, không theo quy hoạch, cơ sở hạ tầng chủ yếu phục vụ sản xuất lúa nên việc chuyển đổi sang cây ăn quả chưa đáp ứng yêu cầu, hiệu quả thấp. Công tác quản lý nhà nước trong việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa của một số địa phương còn nhiều bất cập, khó khăn trong việc thực hiện thủ tục đăng ký, tiếp nhận bản đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng và lập hồ sơ theo dõi đất lúa...

3.1.2. Quy hoạch, đầu tư, phát triển sản xuất

Sản xuất nông nghiệp ở một số nơi đang bị ảnh hưởng bởi quy hoạch đô thị, dân cư, công nghiệp nên người dân chưa an tâm đầu tư sản xuất, nhất là tại các huyện kinh tế trọng điểm. Việc triển khai thực hiện các quy hoạch, đề án liên kết tại vùng ĐTM, trên cơ sở nhu cầu thị trường, lợi thế của từng vùng và sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả đất nông nghiệp là cơ sở để tập trung đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng vùng sản xuất và chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông dân. Do đó, 3 tỉnh là

Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp đã xây dựng đề án liên kết tiểu vùng ĐTM và đã thành lập ban chỉ đạo thực hiện [17].

Định hướng phát triển nông nghiệp vùng ĐTM gắn với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và nằm trong vùng sinh thái ngọt ở thượng nguồn và trung tâm của đồng bằng là vùng trọng điểm về sản xuất lúa, thủy sản nước ngọt và trái cây của vùng ĐBSCL và quốc gia. Phát triển nền nông nghiệp đa dạng, theo hướng hiện đại và bền vững, có tính đến thích ứng với lũ cực đoan, đóng vai trò điều tiết và hấp thụ lũ cho ĐBSCL [7]. Ngoài ra, khu vực cũng sẽ được triển khai Đề án phát triển trung tâm đầu mối về nông nghiệp gắn với vùng chuyên canh, kết nối với các đô thị mà tỉnh Đồng Tháp sẽ gắn với vùng nguyên liệu thủy sản nước ngọt, trái cây, lúa gạo vùng sinh thái nước ngọt... [18]. Đây là những nhiệm vụ thuận lợi để vùng ĐTM có thể đẩy mạnh liên kết trong vùng.

Chính sách đầu tư, phát triển sản xuất nông nghiệp tại vùng ĐTM được cụ thể hóa trong Quy hoạch kinh tế xã hội giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 (ba tỉnh Đồng Tháp, Long An, Tiền Giang) [19]. Đặc biệt, sẽ hình thành một số cụm

công nghiệp gắn với vùng nguyên liệu vùng ĐTM nhằm thúc đẩy quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá quy mô lớn, chất lượng tốt, hiệu quả cao. Phát triển thị xã Kiến Tường là trung tâm vùng ĐTM. Vùng thị xã Cai Lậy, huyện Cai Bè, huyện Cai Lậy, huyện Tân Phước tập trung phát triển công nghiệp, cây ăn trái, lúa gạo, thủy sản gắn với công nghiệp chế biến và phát triển đô thị, du lịch sinh thái [20]. Hơn nữa, một trong các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển của tỉnh Đồng Tháp là liên kết với các tỉnh Long An, Tiền Giang xây dựng dự án đột phá tiểu vùng ĐTM thành trung tâm dự trữ phát triển quốc gia về dự trữ nguồn nước ngọt và nguồn phù sa, khai thác tài nguyên nông nghiệp và du lịch [21]. Mặc dù các Quy hoạch trên vừa được phê duyệt và bước đầu của quá trình triển khai thực hiện nhưng chắc chắn sẽ đem lại nhiều hiệu quả tích cực.

Vùng ĐTM cũng được quy hoạch là một trong những khu vực trồng thanh long lớn trên cả nước

đến năm 2025. Trong đó, tỉnh Long An 8.000 ha, Tiền Giang 6.700 ha [22]. Giai đoạn 2022 - 2023 sẽ hình thành được vùng nguyên liệu đạt chuẩn, quy mô tập trung, trong đó cây ăn quả vùng ĐTM đạt diện tích 60.200 ha (chiếm 36,1% so với tổng thể đề án triển khai); 95 số HTX tham gia (chiếm 34,8%), 14 huyện triển khai (chiếm 30,4%) và đặc biệt số hộ được hưởng lợi lên đến 97.700 hộ (chiếm 52,4%). Giai đoạn 2024 - 2025 sẽ mở rộng xây dựng trung tâm sơ chế, chế biến, bảo quản nguyên liệu (logistic) hỗ trợ HTX tại Trung tâm logistic trái cây Mỹ Hiệp khu II, mở rộng chợ đầu mối trái cây tỉnh Đồng Tháp (ấp 2, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh) [23]. Đây là đề án quan trọng giúp khu vực ĐTM phát triển đồng bộ vùng nguyên liệu phục vụ chế biến và tiêu thụ với cơ chế chính sách, huy động được mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế kết hợp với sự hỗ trợ của Nhà nước, để đảm bảo sản xuất có hiệu quả, bền vững và an toàn môi trường sinh thái...

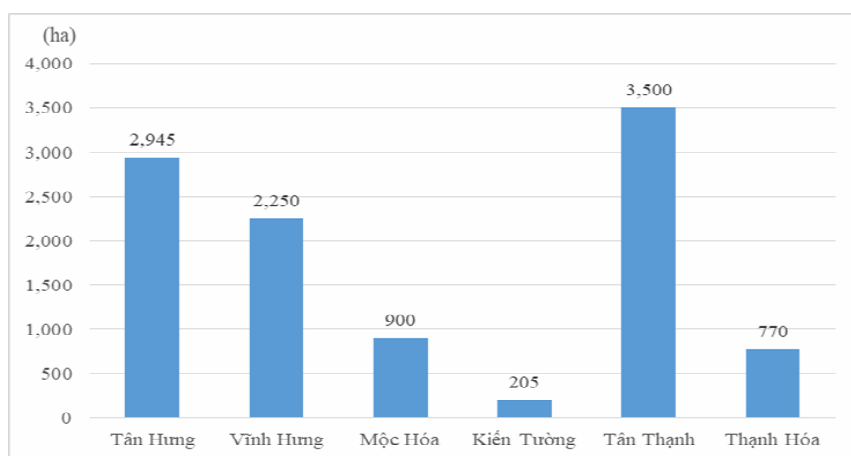
Bảng 2. Thông tin chung vùng nguyên liệu tại ĐTM

TT	Địa bàn vùng ĐTM	Diện tích (ha)	Sản phẩm	Số HTX tham gia (HTX)	Số hộ hưởng lợi (Hộ)	Số huyện	Tên huyện, thị, thành phố
1	Đồng Tháp	15.700	Xoài, mít	21	24.000	4	Thành phố Cao Lãnh, huyện Cao Lãnh, Thanh Bình, Tháp Mười
2	Tiền Giang	34.000	Xoài, mít, sầu riêng	66	68.000	4	Cái Bè, Cai Lậy, Tân Phước, thị xã Cai Lậy
3	Long An	10.500	Xoài, mít, sầu riêng	8	5.700	6	Tân Hưng, Vĩnh Hưng, Mộc Hóa, Kiến Tường, Tân Thạnh, Thạnh Hóa
	Tổng	60.200		95	97.700	14	

Nguồn: Quyết định số 1088/QĐ-BNN-KTHT ngày 25/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT [23]

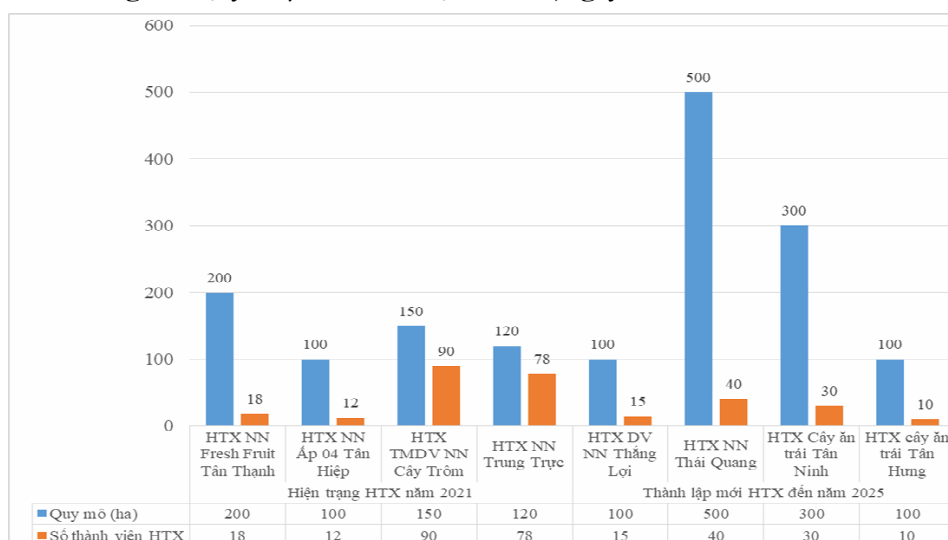
Đồng thời, khu vực tiếp tục hình thành vùng nguyên liệu cây ăn quả trong vùng đề án hơn 10.500 ha (Hình 3); hình thành 4 chuỗi liên kết sản xuất, chế biến tiêu thụ sản phẩm giữa các doanh nghiệp, HTX và nông dân liên kết trong

các vùng nguyên liệu; giảm chi phí đầu vào sản xuất từ 5 - 10% cho các thành viên HTX và người nông dân, tăng thu nhập 5 - 10% cho thành viên HTX và người nông dân; thành lập mới 4 HTX [24]...



Hình 3. Diện tích phát triển cây ăn trái theo đề án thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu ăn quả vùng ĐTM, tỉnh Long An

Nguồn: Quyết định số 9365/QĐ-UBND, ngày 10/9/2022 của UBND tỉnh Long An [24]



Hình 4. Quy mô sản xuất và thành viên HTX theo đề án thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu ăn quả vùng ĐTM, tỉnh Long An

Nguồn: Quyết định số 9365/QĐ-UBND, ngày 10/9/2022 của UBND tỉnh Long An [24]

Ngoài việc hình thành các vùng sản xuất tập trung và thành lập các HTX, đề án còn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất, chế biến và thương mại sản phẩm cho các HTX và doanh nghiệp tiêu thụ, bao gồm:

- Đầu tư nâng cấp và cải tạo đường giao thông (tổng chiều dài hơn 10 km) phục vụ sản xuất nông nghiệp, kết nối vùng trồng nguyên liệu với khu sản xuất, chế biến.

- Đầu tư xây dựng hệ thống bảo quản, chế biến

(xây dựng 2 nhà kho, sơ chế cây ăn quả).

- Hỗ trợ 4 công trình hạ tầng, trang thiết bị máy móc phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến sản phẩm vùng nguyên liệu cho các HTX trong vùng đề án thí điểm.

Mặc dù, đề án chỉ trên phạm vi tỉnh Long An do bị giới hạn về mặt quản lý địa phương nhưng đây cũng là một trong những hoạch định quan trọng để tiếp tục triển khai, nhân rộng đề án trên hai tỉnh còn lại.

Tại các địa phương khi triển khai kế hoạch chung có thể bổ trợ, vận dụng để giải quyết cho phát triển ngành nông nghiệp trong giai đoạn 2021 cấp vùng ĐTM trong giai đoạn 2026 - 2030 (Bảng - 2025 cũng có nhiều giải pháp về chính sách 3).

Bảng 3. Nhiệm vụ, giải pháp chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2021 - 2025 các tỉnh vùng ĐTM

TT	Tỉnh Đồng Tháp	Tỉnh Long An	Tỉnh Tiền Giang
1	Tiếp tục theo dõi, đánh giá hiệu quả chính sách thí điểm tập trung đất đai làm cơ sở đề xuất nhân rộng	Thực hiện quy hoạch nông nghiệp theo hướng mở, theo hướng sử dụng có hiệu quả, bền vững diện tích đất nông nghiệp và thích ứng với BĐKH	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn tạo động lực cho phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng NTM bền vững
2	Triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp của Chính phủ, Bộ, ngành và của tỉnh đến từng người dân để thực hiện	Triển khai thực hiện các đề án đã được duyệt như: Đề án nuôi tôm nước lợ; Đề án trồng rừng phòng hộ tuyến biên giới...	Triển khai và cụ thể hóa các cơ chế, chính sách mới, mang tính đột phá nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, hiện đại, sức cạnh tranh cao và bền vững
3	Lồng ghép các chương trình, dự án có liên quan như: Dự án ODA, dự án khuyến nông, hợp tác quốc tế để trang bị máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất, sơ chế, chế biến	Tập trung rà soát điều chỉnh phương án lập quy hoạch nông, lâm, thủy sản; quy hoạch thủy lợi, đề điều, phương án phòng chống thiên tai, thích ứng với BĐKH	Nghiên cứu đề xuất cơ chế chính sách hỗ trợ ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh gắn kết với truy xuất nguồn gốc
4	Thu hút doanh nghiệp FDI có thương hiệu (ưu đãi về đất đai, tín dụng), tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp trong nước liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức chế tạo hoặc lắp ráp các loại máy nông nghiệp	Tập trung thực hiện Kế hoạch thực hiện cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững	Tiếp tục thực hiện Kết luận số 54-KL/TW ngày 7/8/2019 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với BĐKH

Bảng 3 cho thấy, các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp của Chính phủ, Bộ, ngành hay thực hiện quy hoạch nông nghiệp theo hướng mở và sử dụng có hiệu quả, bền vững diện tích đất nông nghiệp, thích ứng với BĐKH... là những ưu tiên lớn có thể áp dụng cho vùng ĐTM trong giai đoạn tiếp theo. Các giải pháp thực hiện Kết luận số 54-KL/TW ngày 7/8/2019 của Bộ Chính trị [25] và Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ [26] sẽ được cập nhập bằng các chính

sách hiện hành.

Nhìn chung, các chính sách về quy hoạch, đầu tư, phát triển sản xuất nông nghiệp tại vùng ĐTM đã được triển khai đồng bộ từ cấp trung ương đến địa phương.

3.1.3. Hỗ trợ tài chính, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực

Trong các biện pháp điều tiết vĩ mô nền kinh tế nói chung và khuyến khích sự phát triển của nông nghiệp sạch nói riêng thì chính sách tài

chính là một trong những công cụ rất hữu hiệu, có vai trò định hướng và điều tiết sự phát triển của lĩnh vực nông nghiệp phù hợp với yêu cầu và định hướng phát triển kinh tế của đất nước trong từng giai đoạn [3]. Mỗi một hoạt động phát triển sản xuất nông nghiệp trong vùng ĐTM đều được cụ thể hóa bằng quy định cụ thể như:

Tại tỉnh Long An đã ban hành quy định chính sách hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, thủy sản (hỗ trợ 100% kinh phí phân tích, hỗ trợ một lần 100% kinh phí tư vấn, đào tạo, tập huấn cho cơ sở áp dụng quy trình VietGAP, hỗ trợ một lần 100% kinh phí thuê tổ chức chứng nhận đánh giá để cấp Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP...); quy định mức hỗ trợ thực hiện chính sách chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng ngô; quy định chính sách hỗ trợ Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 (hỗ trợ 70% giá giống lúa từ cấp xác nhận trở lên; giống chanh, thanh long sạch bệnh cho các đối tượng đáp ứng điều kiện hỗ trợ nhưng mức hỗ trợ tối đa không quá 1,2 triệu đồng/ha/vụ đối với lúa; không quá 15 triệu đồng/ha đối với chanh và không quá 15 triệu đồng/ha đối với thanh long); chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp...

Tại tỉnh Đồng Tháp đã ban hành quy định mức hỗ trợ giống ngô (bắp) để chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng ngô (bắp) đến vụ đông xuân 2018 - 2019; hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; hỗ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, tối đa không quá 300 triệu đồng; hỗ trợ 50% chi phí mua giống; hỗ trợ 30% chi phí mua vật tư thiết yếu; hỗ trợ 100% chi phí mua bao bì, nhãn mác sản phẩm...).

Tại tỉnh Tiền Giang đã ban hành quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, thủy sản; quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; chính sách hỗ trợ liên kết

sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư và 100% chi phí mua bao bì, nhãn mác; hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư và 100% chi phí mua bao bì, nhãn mác...).

Ngoài ra, vùng nguyên liệu cây ăn quả tại ĐTM [24] sẽ được: (1) hỗ trợ vay vốn tín dụng theo chuỗi liên kết (tổng số 48 tỷ đồng), trong đó khuyến khích các tổ chức tín dụng hỗ trợ hộ gia đình, HTX và chủ trang trại trong vùng dự án được vay không có tài sản thế chấp; (2) Thí điểm thực hiện bảo hiểm nông nghiệp cho 5 HTX (1,2 tỷ đồng) trong vùng đề án về thiệt hại thực tế/ha cho các rủi ro được liệt kê bao gồm: Giông bão, lũ lụt, cháy nổ; bảo hiểm theo chỉ số thời tiết; bảo hiểm theo chỉ số năng suất, sản lượng; (3) Hỗ trợ cho HTX, doanh nghiệp tiêu thụ có nhu cầu tham gia xúc tiến thương mại và ký hợp đồng liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả giai đoạn 2021 - 2025...

Cơ bản các chính sách tài chính đã quy định rõ nguyên tắc, nội dung, điều kiện, kinh phí hỗ trợ và tập trung vào đối tượng là các HTX cũng như các ngành hàng chủ lực trong khu vực.

3.2. Đánh giá chung

3.2.1. Về quản lý, sử dụng đất và chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa

Nhìn chung cơ cấu cây trồng có sự chuyển dịch theo hướng chú trọng hiệu quả, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Lúa vẫn là cây trồng chủ lực và chiếm tỷ trọng cao trong sản xuất nông nghiệp; có sự chuyển đổi mạnh các vùng trồng lúa hoặc cây trồng hiệu quả thấp sang các cây trồng khác mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

3.2.2. Về quy hoạch, đầu tư, phát triển sản xuất

Các chính sách đã giúp khu vực ĐTM hình thành các vùng sản xuất hàng hóa nông sản tập trung theo lợi thế của từng vùng sinh thái, phù hợp xu thế phát triển thị trường, nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh trong chuỗi giá trị sản phẩm... Ngoài ra, khu vực ĐTM đã và đang triển khai nhiều chương trình, kế hoạch, đề án khác, nổi bật như: Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng giai đoạn 2021 - 2025; phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm

2030; Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững, thích ứng BĐKH giai đoạn 2021 - 2030 (Đồng Tháp)... Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025; Đề án thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu cây ăn quả vùng ĐTM đạt chuẩn tiêu thụ trong nước và xuất khẩu giai đoạn 2022 - 2025 (Long An)... Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng và trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất lúa giai đoạn 2020 - 2025; phát triển nông nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án điều chỉnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2030 (Tiền Giang)... Kết quả của các kế hoạch, chương trình là khả quan nhưng lại gặp khó khăn khi triển khai do thiếu vốn...

3.2.3. Về hỗ trợ tài chính, phát triển nguồn nhân lực

Khu vực đã tham gia hỗ trợ về vốn cũng như kiến thức, thành lập nhiều HTX nông nghiệp. Trên thực tế, các HTX cần nguồn nhân lực chất lượng cao, có kinh nghiệm để nâng cao năng lực điều hành, khả năng cạnh tranh và quản trị hệ thống. Tuy nhiên, chính sách hỗ trợ HTX chưa đủ mạnh, cả về tài nguyên (đất, vốn...). Đồng thời, với mức hỗ trợ thấp không thể thu hút được nguồn nhân lực này, thay vào đó là nguồn nhân lực trung bình. Như vậy, mặc dù định hướng của chính sách là đúng, nhưng gần như các HTX thường lựa chọn sử dụng tiền hỗ trợ như một khoản bù đắp chi phí, thay vì như một khoản đầu tư cho kế hoạch nhân sự lâu dài... Ngoài ra, các chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp hữu cơ... qua quá trình áp dụng triển khai, chính sách chưa tác động đúng vào “động cơ khuyến khích” người sản xuất. Thực tế, các hộ sản xuất chưa áp dụng các tiêu chuẩn GAP, bởi vì họ chưa thu được lợi nhuận từ hoạt động này, nông dân chỉ áp dụng thực hiện khi có vốn hỗ trợ, chứ chưa xuất phát từ mối liên kết với doanh nghiệp.

3.3. Đề xuất các giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững tại vùng ĐTM

Trong bối cảnh mới trên thế giới, toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế vẫn là xu hướng chủ

đạo; theo đó, các Hiệp định thương mại FTA song phương phát triển và mở rộng trở thành liên kết thương mại giữa các quốc gia. Cơ hội thị trường đang mở ra cho nhiều nông sản xuất khẩu chính ngạch vào thị trường Trung Quốc, ASEAN, Trung Đông, EU, Hoa Kỳ.... Những yếu tố bên ngoài sản phẩm như giá trị văn hóa truyền thống, cộng đồng, xã hội, môi trường đối với sản phẩm sẽ ngày càng được quan tâm và được người tiêu dùng sẵn sàng trả giá cao hơn. Xu hướng này đang ngày càng rõ và vùng ĐTM cũng phải quan tâm để có những chương trình, định hướng cùng với bà con, doanh nghiệp xây dựng những hình ảnh mới, giá trị mới trong sản phẩm của mình để nâng cao giá trị, mức độ cạnh tranh sản phẩm trong khu vực.

Trong nước, vai trò của nông nghiệp trong nền kinh tế giảm dần, tỷ lệ đóng góp của nông nghiệp trong GDP dự báo còn dưới 10% năm 2030, nhưng nông nghiệp vẫn là ngành tạo việc làm và thu nhập cho số lượng lớn lao động. Mặt khác, nông nghiệp vẫn phải đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia, góp phần quan trọng bảo đảm tính bền vững của quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Vì vậy, Đảng, Nhà nước vẫn khẳng định tiếp tục dành sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát, kịp thời và sẽ tiếp tục có những ưu tiên đầu tư cho khu vực nông nghiệp nông thôn.

Đối với khu vực ĐBSCL cũng đang diễn ra các chuyển đổi về tư duy sản xuất lương thực một cách hiệu quả hơn, tư duy phát triển bền vững với thiên nhiên, xu hướng chuyển đổi thích ứng với BĐKH, nên cần phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

Để phát triển nông nghiệp bền vững cần có hệ thống các giải pháp tổng thể, từ xây dựng chính sách điều hành vĩ mô, đến các biện pháp về kinh tế, xã hội, phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ để tăng năng suất, tạo ra nhiều sản phẩm xanh đáp ứng thị trường tiêu thụ trong nước và quốc tế [3]. Trong thời gian tới, phát triển nông nghiệp vùng ĐTM có nhiều cơ hội song cũng đối mặt với nhiều rủi ro, thách thức. Chính vì vậy, để phát triển nông nghiệp tại vùng ĐTM mạnh mẽ hơn thì việc quan trọng nhất là vận dụng tối đa, linh hoạt và hiệu quả các chính sách, các hoạch định đã được thông qua

trên cơ sở triển khai đồng thời các giải pháp, chính sách sau:

3.3.1. Quản lý, sử dụng đất và chuyển đổi đất trồng lúa hiệu quả

Tiếp tục theo dõi, nghiên cứu, chuẩn bị vận dụng linh hoạt các quy định mới theo Luật Đất đai năm 2024 [27] đảm bảo sử dụng đúng mục đích đất nông nghiệp, đúng chính sách ưu đãi về đất đai đối với các HTX nông nghiệp...

Triển khai có hiệu quả chính sách ưu đãi về đất đai đối với HTX; tạo điều kiện thuận lợi cho HTX nông nghiệp thuê đất ổn định, lâu dài, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ. Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích HTX tập trung, tích tụ đất đai; hình thành vùng nguyên liệu tập trung, quy mô đủ lớn, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp.

Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án phát triển bền vững một triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng ĐBSCL đến năm 2030. Tăng cường công tác nghiên cứu thị trường; hướng dẫn HTX, cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản truy cập Bản tin thị trường nông sản trên Website của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường; kịp thời cung cấp thông tin, phối hợp với các đơn vị của Bộ Nông nghiệp và PTNT tháo gỡ rào cản kỹ thuật trong xuất khẩu, cập nhật, phổ biến các hiệp định thương mại (FTA Việt Nam - EU,...) nông sản đến các doanh nghiệp để có định hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với thị trường. Thực hiện hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP; thiết lập và đăng ký mã số vùng trồng tuân thủ tiêu chuẩn cơ sở TCCS 774:2020/BVTV [28]...

3.3.2. Hoàn thiện thể chế, cơ chế liên kết tiểu vùng và các quy hoạch, chính sách phát triển nông nghiệp

Ba tỉnh Đồng Tháp, Long An và Tiền Giang cần tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành xây dựng và ban hành bộ tiêu chí xác định các chương trình, dự án liên kết tiểu vùng ĐTM được hoạch định trong các quy hoạch tỉnh Đồng Tháp, Long An, Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Triển khai thực hiện có hiệu quả, đồng

bộ các định hướng phát triển nông nghiệp đã được xây dựng tại chương trình tổng thể phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với BĐKH vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; quy hoạch vùng ĐBSCL thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và PTNT xây dựng cơ chế, chính sách thực hiện hiệu quả các chương trình, quy hoạch, kế hoạch, đề án (Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp; Chương trình Quốc gia phát triển công nghệ cao; Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ...). Đồng thời, cần ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XIII) về “nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” [2] và kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, Long An, Tiền Giang gắn với phát triển nông nghiệp vùng ĐTM.

Tiếp tục triển khai các Đề án thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu cây ăn quả vùng ĐTM đạt chuẩn tiêu thụ trong nước và xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2022 - 2025; xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình mới, cách làm hiệu quả tại vùng ĐTM gắn với Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, bảo đảm an toàn thực phẩm góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất trồng trọt, phát triển ổn định, bền vững các cây trồng chủ lực của vùng ĐTM (lúa, chanh, thanh long, rau các loại...) theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, đầu tư hạ tầng đồng bộ, hiện đại gắn với sản xuất an toàn (sản xuất hữu cơ, VietGAP, an toàn vệ sinh thực phẩm, truy suất nguồn gốc, an toàn dịch bệnh...); tăng cường hợp tác, liên kết vùng và liên kết 4 nhà, hướng đến mục tiêu của nền nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp xanh.

3.3.3. Tăng cường hỗ trợ tài chính, phát triển nguồn nhân lực

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách thuế, phí, lệ phí để HTX và thành viên HTX biết và tiếp cận được chính sách ưu đãi hiện hành. Đa dạng hóa các hình thức thông tin, tuyên

truyền, vận động và đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong toàn ngành nông nghiệp về mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cần phải thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2030.

Tạo điều kiện thuận lợi để HTX tiếp cận tín dụng; tăng cường tư vấn, hỗ trợ HTX vay vốn; có cơ chế ưu tiên tiếp cận vốn đối với HTX có phương án sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp chủ lực vùng, miền, địa phương. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với HTX, gắn liền với công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp trong phát triển HTX và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho khu vực kinh tế tập thể.

Triển khai hiệu quả chương trình, chính sách hỗ trợ HTX, đặc biệt là tập trung triển khai các chính sách về hỗ trợ hạ tầng, cán bộ trẻ, hỗ trợ liên kết tiêu thụ theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 5/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp [29] và thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025. Đồng thời, hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất ứng dụng thương mại điện tử vào hoạt động kinh doanh.

Rà soát, bổ sung cơ chế, chính sách tạo động lực thu hút lao động trẻ, sinh viên tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng, trung cấp vào làm việc trong các HTX.

Tiếp tục rà soát một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp chưa hiệu quả và không còn phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Từ đó, làm cơ sở để thực hiện đồng bộ các chính sách trên toàn vùng, thông qua việc thành lập tổ nghiên cứu chính sách, trong đó thành viên là các chủ thể liên quan đến các chính sách hiện hành.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Khu vực ĐTM có sự chuyển đổi mạnh các vùng trồng lúa hoặc cây trồng hiệu quả thấp sang các cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn nhưng lúa vẫn là cây trồng chủ lực và chiếm tỷ trọng cao trong sản xuất nông nghiệp; các chính

sách quy hoạch, liên kết vùng đã giúp khu vực ĐTM hình thành các vùng sản xuất hàng hóa nông sản tập trung theo lợi thế của từng vùng sinh thái, phù hợp xu thế phát triển thị trường, nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh trong chuỗi giá trị sản phẩm; nhiều chính sách hỗ trợ về vốn cũng như kiến thức được thực hiện. Đây là một trong những khu vực có rất nhiều lợi thế về cơ chế, chính sách trong việc phát triển kinh tế nông nghiệp thông qua các chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch, đề án đã triển khai.

Trên cơ sở phân tích thực trạng, bối cảnh các cơ quan quản lý vùng ĐTM cần thực hiện đồng bộ, toàn diện các giải pháp trong chính sách để phát triển nông nghiệp bền vững hơn, gồm: 1) Tiếp tục theo dõi, nghiên cứu, chuẩn bị vận dụng linh hoạt các quy định mới theo Luật Đất đai năm 2024 đảm bảo sử dụng đúng mục đích đất nông nghiệp, đúng chính sách ưu đãi về đất đai đối với các HTX nông nghiệp, hình thành vùng nguyên liệu tập trung, quy mô đủ lớn, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm; 2) Ba tỉnh cần tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành xây dựng và ban hành bộ tiêu chí xác định các chương trình, dự án liên kết tiểu vùng ĐTM được hoạch định trong các Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; triển khai các đề án phát triển cây trồng hàng hóa chủ lực theo chuỗi giá trị; 3) Tăng cường hỗ trợ tài chính, nhất là hỗ trợ các HTX chính sách thuế, tín dụng, phương thức sản xuất kinh doanh, liên kết sản xuất...

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này được thực hiện và hoàn thành nhờ sự hỗ trợ của Đề tài: “Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ thị sinh học đánh giá chất lượng đất phục vụ canh tác nông nghiệp bền vững vùng Đồng Tháp Mười”, mã số ĐTDL.CN-61/21. Nhóm tác giả xin chân thành cảm ơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thủ tướng Chính phủ (2022). *Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 về phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.*
2. Ban chấp hành Trung ương (2022). *Nghị*

quyết hội nghị lần thứ năm số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 về Nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3. Tô Kim Huệ (2021). Chính sách tài chính phát triển nông nghiệp bền vững tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Kinh tế Tài chính Việt Nam*, số 2(35), 15-25.

4. Chính phủ (2023). *Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 27/02/2023 về ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về Nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.

5. Bộ Chính trị (2022). *Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022 về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.

6. Thủ tướng Chính phủ (2020). *Quyết định số 324/QĐ-TTg ngày 02/03/2020 về phê duyệt Chương trình tổng thể phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.

7. Thủ tướng Chính phủ (2022). *Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 về phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*.

8. Ban chỉ đạo thực hiện Đề án liên kết phát triển bền vững tiểu vùng Đồng Tháp Mười (2019). Báo cáo tổng hợp Đề án liên kết phát triển bền vững tiểu vùng Đồng Tháp Mười đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, 191 trang.

9. Miles, M. B., Huberman, A. M. (1994). *Qualitative data analysis: An expanded sourcebook*. 2ed. Thousand Oaks, California: SAGE Publications, Inc. 338 pp

10. Cục Thống kê tỉnh Đồng Tháp (2022). Niên giám thống kê năm 2021 tỉnh Đồng Tháp.

11. Cục Thống kê tỉnh Long An (2022). Niên giám thống kê năm 2021 tỉnh Long An.

12. Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang (2022). Niên giám thống kê năm 2021 tỉnh Tiền Giang.

13. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2017). *Quyết định số 1291/QĐ-BNN-KH ngày 10/4/2017 về ban*

hành Kế hoạch hành động liên kết phát triển nông nghiệp, nông thôn vùng ĐBSCL giai đoạn 2016 - 2020.

14. Thủ tướng Chính phủ (2017). *Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 03/07/2017 về phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2030*.

15. Chính phủ (2017). *Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai*.

16. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2022). *Quyết định số 4085/QĐ-BNN-TT ngày 27/10/2022 về phê duyệt Đề án phát triển cây ăn quả chủ lực đến năm 2025 và 2030*.

17. Tỉnh ủy Đồng Tháp (2017). *Quyết định số 354/QĐ/TU ngày 17/3/2017 về thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án liên kết phát triển bền vững tiểu vùng Đồng Tháp Mười*.

18. Chính phủ (2022). *Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2022 về ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.

19. Thủ tướng Chính phủ (2023). *Quyết định số 686/QĐ-TTg ngày 13/6/2023 về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Long An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*.

20. Thủ tướng Chính phủ (2023). *Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*.

21. Thủ tướng Chính phủ (2024). *Quyết định Số 39/QĐ-TTg ngày 11/1/2024 về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*.

22. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2016). *Quyết định số 5392/QĐ-BNN-TT ngày 26/12/2016 về Quy hoạch vùng trồng cây thanh long đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.

23. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2022). *Quyết định số 1088/QĐ-BNN-KTHT ngày 25/3/2022 về phê duyệt Đề án thí điểm xây dựng vùng nguyên*

liệu nông, làm sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu giai đoạn 2022-2025.

24. Ủy ban nhân dân tỉnh Long An (2022). Quyết định số 9365/QĐ-UBND, ngày 10/9/2022 về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện đề án thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu cây ăn quả vùng Đồng Tháp Mười đạt chuẩn tiêu thụ trong nước và xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2022-2025.

25. Bộ Chính trị (2019). Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

26. Chính phủ (2023). Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 về Phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.

27. Quốc hội (2024), Luật số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 về Luật Đất đai.

28. Cục Bảo vệ thực vật (2020). Quyết định số 2481/QĐ-BVTV-KH ngày 30/11/2020 về việc ban hành Tiêu chuẩn cơ sở đợt 5 năm 2020.

29. Chính phủ (2018). Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/07/2018 về Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

ANALYZING THE ADVANTAGES OF MECHANISM, POLICIES AND PROPOSING SOLUTIONS FOR SUSTAINABLE AGRICULTURAL DEVELOPMENT IN THE DONG THAP MUOI REGION

Phung Ngoc Truong¹, Nguyen Hung Cuong², Ngo Huy Kien², Hoang Cong Minh²

¹ Center for Research and Environmental Planning

² National Institute of Agricultural Planning and Projection

Summary

The Dong Thap Muoi area is the main rice growing area, using a high weight ratio in agricultural production, but there has been a strong transition from rice growing areas or low-efficiency crops to economically effective crops higher; Main plans and regional linkages have helped the Dong Thap Muoi area form concentrated agrochemical production areas according to the advantages of each ecological region, consistent with market development trends, and increased added value. and competitiveness in product value chains; Many policies to support capital as well as agricultural development architecture are implemented. This is also one of the areas with many benefits in terms of mechanisms and policies for agricultural economic development through developed strategies, planning, programs, plans and schemes. Based on the analysis of the current situation and context, management facilities in the Dong Thap Muoi region need to complete, supplement and develop solutions to develop agriculture more firmly, including: 1) Management and use land and effective rice land conversion; 2) Complete mechanisms and mechanisms to link sub-regions and agricultural development strategies and policies; 3) Increase financial support and human resource development.

Keywords: Policy, agriculture, Dong Thap Muoi.

Người phản biện: TS. Trần Công Thắng

Ngày nhận bài: 14/12/2023

Ngày thông qua phản biện: 26/02/2024

Ngày duyệt đăng: 26/4/2024